



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

KIẾN NGHỊ QUÝ III NĂM 2024
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Hà Nội, 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

KIẾN NGHỊ QUÝ III NĂM 2024
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Hà Nội – 2024

Trong thời gian vừa qua, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã tập hợp các nhà khoa học hàng đầu thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, tổ chức Hội thảo và chốt lọc thành các kiến nghị gửi đến Đảng, Chính phủ, Quốc hội và các Bộ Ban ngành Trung ương, với mong muốn đóng góp vào quá trình phát triển chung của nền kinh tế, xứng đáng là địa chỉ tin cậy của Đảng và Chính phủ trong tư vấn xây dựng các chính sách phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Dưới đây là chốt lọc các kiến nghị Quý 3 năm 2024 về một số chủ đề quan trọng của nền kinh tế trong thời gian qua.

Chủ đề 1: Thúc đẩy phát triển kinh tế số trong bối cảnh hiện nay

Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đánh dấu sự phát triển vượt bậc trong việc sử dụng dữ liệu và công nghệ vào toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội. Xu hướng số hóa nền kinh tế và các hoạt động xã hội đang diễn ra rất nhanh ở nhiều quốc gia. Kinh tế số đã trở thành một bộ phận đóng góp ngày càng quan trọng trong tổng sản phẩm của các quốc gia, đặc biệt trong quá trình phục hồi hậu COVID-19. Văn kiện Đại hội XIII đã xác định, kinh tế số đạt tỷ trọng 20% GDP đến năm 2025 và 30% đến năm 2030. Các tỉnh, thành phố của Việt Nam cũng đã ban hành nghị quyết cụ thể hóa các mục tiêu chuyển đổi số và phát triển kinh tế số cho địa phương mình.

Theo Báo cáo “*Tương lai nền kinh tế số Việt Nam hướng tới năm 2030 và 2045*” (Tổ chức Data61 - Úc), GDP Việt Nam có thể tăng thêm hàng năm từ 0,38 đến 1,1% tùy vào các kịch bản khác nhau của chuyển đổi số. Trong 10 năm qua, kinh tế số Việt Nam đã phát triển không ngừng về cả nền tảng hạ tầng lẫn thị trường kinh doanh, nền kinh tế đã ghi nhận sự xuất hiện xu hướng số hóa ở nhiều

lĩnh vực, các ngành kinh tế, từ ngân hàng, tài chính, thương mại, đến giáo dục, y tế....

Nhóm tư vấn chính sách của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã phân tích, luận bàn và đề xuất hai kiến nghị chính sách sau:

Kiến nghị 1.1: Đẩy mạnh hoàn thiện về thể chế và cơ sở dữ liệu phát triển kinh tế số

Trong bối cảnh phát triển kinh tế số như hiện nay, Việt Nam cần chú trọng trước hết đến việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm tạo khuôn khổ cho phát triển kinh tế số trên quy mô cả nước cũng như thể chế vùng kinh tế và địa bàn tỉnh, thành. Hoàn thiện khung thể chế, cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo phù hợp với các khuôn khổ pháp lý khu vực và toàn cầu để phát triển kinh tế số, đặc biệt là các mô hình và phương thức kinh doanh mới để kinh tế số sớm tăng quy mô và gia tăng tỷ trọng đóng góp trong tăng trưởng nói chung. Một số chính sách cần được ưu tiên như sau:

- Khuyến khích đổi mới: tạo cơ chế khuyến khích đổi mới và đầu tư vào nền kinh tế số ở các bộ phận cấu thành như kinh tế số lõi, nền tảng và số hóa các ngành, tạo ra một sân chơi bình đẳng cho các công ty mới và đã thành lập.

- Thúc đẩy cạnh tranh: cần ngăn chặn các công ty thống trị tham gia vào các hành vi phản cạnh tranh và đảm bảo rằng cạnh tranh là công bằng và cởi mở trong nền kinh tế số.

- Đảm bảo an ninh mạng: cần bảo vệ cơ sở hạ tầng quan trọng của quốc gia và dữ liệu nhạy cảm khỏi các cuộc tấn công mạng và vi phạm dữ liệu, đồng thời đảm bảo an toàn và bảo mật cho dữ liệu cá nhân của người tiêu dùng.

- Bảo vệ quyền của người tiêu dùng: cần đảm bảo rằng người tiêu dùng được bảo vệ khỏi thông tin sai lệch hoặc gây hiểu lầm, vi phạm quyền riêng tư và các hành vi có hại khác có thể phát sinh trong nền kinh tế số.

- Giải quyết các vấn đề xuyên biên giới: Trong nền kinh tế số, các doanh nghiệp và người tiêu dùng có thể hoạt động xuyên biên giới và điều này đặt ra những thách thức pháp lý mới. Các quy định được đưa ra để giải quyết những thách thức này và đảm bảo rằng nền kinh tế số hoạt động theo cách phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế.

- Ưu tiên các dự án kinh tế số mang tính liên ngành, liên tỉnh, phù hợp với quy hoạch phát triển các vùng kinh tế đã được thông qua.

- Gia tăng đầu tư, đặc biệt là đầu tư công nhằm nâng cấp đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ số thiết yếu và rộng khắp, bao quát mọi ngõ ngách của nền kinh tế và đến từng công dân, xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh mạng, nâng cấp hạ tầng các ngành, lĩnh vực quan trọng, thiết yếu một cách đồng bộ, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp được sử dụng những tiện ích do kinh tế số mang lại.

- Cần phải chuyển từ ứng dụng công nghệ, “bắt chước” trong công nghệ, sang phát triển công nghệ, và các doanh nghiệp số Việt Nam cần lãnh trọng trách này trong phương thức tăng trưởng của những thập niên tới.

- Nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế số và chuyển đổi số quốc gia, qua đó có sự chuẩn bị tốt nhất cho khả năng thích ứng các xu hướng phát triển này đối với doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ. Các doanh nghiệp cần chủ động nắm bắt cơ hội, tối ưu hóa mô hình kinh doanh, phát triển kỹ năng mới cho từng cá nhân và tổ chức, sớm triển khai tích hợp công nghệ số

hóa, thúc đẩy phát triển những giải pháp sản xuất và kinh doanh dựa trên số hóa, tham gia hiệu quả hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, nâng cao năng lực quản trị phù hợp với những mô hình sản xuất, kinh doanh và hợp tác mới.

- Các địa phương cần quan tâm bố trí nguồn lực, hỗ trợ thu thập thông tin phục vụ biên soạn các chỉ tiêu liên quan đến kinh tế số trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đặc biệt là hoạt động thương mại điện tử.

- Thực hiện các điều tra chuyên sâu để thu thập thông tin liên quan đến hoạt động số hóa và xây dựng các hệ số kỹ thuật phục vụ biên soạn các chỉ tiêu kinh tế số phản ánh đầy đủ, sát thực đóng góp của kinh tế số trong phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

- Các địa phương trên cơ sở số liệu thống kê về kinh tế số vừa được công bố, cần điều chỉnh việc thực hiện các chỉ tiêu và điều chỉnh chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế số phù hợp với đặc điểm và cấu trúc kinh tế của địa phương mình.

Kiến nghị 1.2: Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực phát triển kinh tế số và các lĩnh vực liên quan đến trí tuệ nhân tạo trong bối cảnh mới

Hiện tại, mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế số của Việt Nam đứng đầu các nước trong khu vực, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử, tuy nhiên xét về nhân lực sẵn sàng cho phát triển kinh tế số, Việt Nam lại đang đứng cuối bảng. Vấn đề này đã được các quốc gia phát triển chú trọng từ lâu, nhưng đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, vấn đề phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế số vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Do đó, Việt Nam cần dành nhiều nguồn lực hơn cho phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế số. Cụ thể,

- Nhà nước cần có chiến lược và kế hoạch cung cấp giáo dục và đào tạo để mọi người dân đều có được những kỹ năng và kiến thức cần thiết để tham gia vào nền kinh tế kỹ thuật số. Điều này bao gồm đào tạo về kiến thức kỹ thuật số, kỹ năng máy tính và các lĩnh vực khác có liên quan đến nền kinh tế kỹ thuật số.

- Cần có chính sách cụ thể và giải pháp khuyến khích học tập suốt đời, bằng cách tạo cơ hội cho các cá nhân tiếp thu các kỹ năng và kiến thức mới trong suốt sự nghiệp của họ, để họ có thể bắt kịp với những thay đổi nhanh chóng trong nền kinh tế kỹ thuật số.

- Thúc đẩy phát triển kỹ năng số: Nhà nước có thể thúc đẩy phát triển kỹ năng số bằng cách đầu tư vào các chương trình giáo dục và đào tạo, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp và cá nhân đầu tư vào phát triển kỹ năng số của chính họ.

- Giải quyết tình trạng thiếu kỹ năng: Nhà nước có trách nhiệm giải quyết tình trạng thiếu kỹ năng trong nền kinh tế kỹ thuật số, bằng cách đảm bảo có đủ công nhân lành nghề và được đào tạo để đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế kỹ thuật số.

- Thúc đẩy văn hóa đổi mới: Nhà nước có thể thúc đẩy văn hóa đổi mới bằng cách khuyến khích phát triển các kỹ năng và kiến thức mới, đồng thời hỗ trợ nghiên cứu và phát triển trong nền kinh tế kỹ thuật số.

- Tập trung phát triển, thu hút các chuyên gia về công nghệ số, các doanh nhân số thông qua các chính sách phù hợp. Đồng thời, cần định hướng phát triển giáo dục - đào tạo ở địa phương gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, sản xuất thông minh của nền kinh tế số.

- Đổi mới, hiện đại hóa chương trình đào tạo đại học, đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh, thành phố, chuyển mạnh từ đào tạo theo khả năng sang đào tạo theo nhu cầu xã hội.

Chủ đề 2: Thúc đẩy thực hiện kinh tế tuần hoàn trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam

Thực hiện kinh tế tuần hoàn (KTTH) là giải pháp trọng tâm để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh, cải thiện năng suất lao động, tạo ra các chuỗi giá trị gia tăng mới, hiệu quả cao, hài hòa mối quan hệ giữa kinh tế với bảo vệ môi trường, góp phần thực hiện các cam kết về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, trung hòa các bon và phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã đưa ra quy định về kinh tế tuần hoàn tại Điều 142. Nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ thực hiện KTTH, Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH được xây dựng và đang trong giai đoạn hoàn thiện cuối cùng để Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Để có thể đưa các mục tiêu thực hiện KTTH vào cuộc sống, đầu tư cho đào tạo và nâng cao năng lực công nghệ thực hiện KTTH của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là cần thiết, từ đó giúp giảm thiểu các rào cản đối với việc áp dụng thực hiện kinh tế tuần hoàn trong nhóm doanh nghiệp này. Ngoài ra, một trong những đặc điểm cơ bản của mô hình KTTH là kết nối giữa các doanh nghiệp hướng tới “chất thải của doanh nghiệp này có thể trở thành tài nguyên đầu vào cho doanh nghiệp khác”. Trong nền kinh tế tuyến tính, chất thải thường bị thải bỏ. Vì vậy, khi chuyển dịch sang mô hình KTTH, việc hỗ trợ kết nối cho các DNNVV (chiếm 96% tổng số doanh nghiệp Việt Nam) là nội dung cần thiết để có thể phát triển hệ sinh thái KTTH.

Dựa trên kết quả khảo sát 69 DNNVV về động lực và rào cản trong quá trình chuyển đổi sang mô hình KTTH, chúng tôi thảo luận sâu hơn về các kiến nghị nhằm thúc đẩy thực hiện KTTH trong các DNNVV ở Việt Nam.

Kiến nghị 2.1: Nâng cao nhận thức và kiến thức về các mô hình KTTH và khả năng ứng dụng cho các DNNVV của Việt Nam

Kết quả khảo sát 69 DNNVV tại Việt Nam, được thực hiện tháng 6/2022 bởi Nhóm nghiên cứu thuộc Trường Đại học Kinh tế quốc dân, cho thấy nhu cầu số một của các doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay là “Nhu cầu hiểu rõ hơn về kinh tế tuần hoàn để có thể đưa ra quyết định thực hiện kinh tế tuần hoàn”. Ngoài ra, nhận thức và hiểu biết tốt hơn về KTTH cũng sẽ giúp các doanh nghiệp vượt qua rào cản về “văn hóa do dự” của các doanh nghiệp, đây là rào cản quan trọng thứ hai. Do đó, cần nâng cao nhận thức và kiến thức của nhóm DNNVV thông qua:

Một, tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông, tập huấn phổ biến kiến thức, pháp luật về kinh tế tuần hoàn cho các DNNVV của Việt Nam:

Tổ chức truyền thông và tập huấn về KTTH đóng vai trò quan trọng. Đồng thời, việc xây dựng tài liệu hướng dẫn tư duy và thực hành về kinh tế tuần hoàn là rất cần thiết để hỗ trợ thúc đẩy thực hiện trong các DNNVV ở Việt Nam.

Doanh nghiệp cần hiểu rõ về kinh tế tuần hoàn và lợi ích của việc áp dụng các mô hình kinh doanh tuần hoàn. Các chương trình giáo dục, hội thảo và truyền thông có thể giúp nâng cao nhận thức và kiến thức cho doanh nghiệp.

Doanh nghiệp có thể hợp tác với các tổ chức, cơ quan chính phủ và các đối tác khác để chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi về các mô hình kinh tế tuần hoàn. Tham gia vào các mạng lưới và cộng đồng liên quan đến kinh tế tuần hoàn để tạo cơ hội hợp tác và phát triển.

Hai, lồng ghép các nội dung giáo dục về kinh tế tuần hoàn vào chương trình đào tạo về kinh tế và kinh doanh nhằm xây dựng đội ngũ quản lý doanh nghiệp tương lai có nhiều hiểu biết về KTTH.

Thực hiện KTTH là một chiến lược mang tính dài hạn đòi hỏi sự tham gia của nhiều thế hệ doanh nhân quản lý doanh nghiệp. Vì vậy, phát triển nội dung giảng dạy về KTTH trong các chương trình đào tạo về kinh tế và kinh doanh sẽ là giải pháp đáp ứng nhu cầu phát triển dài hạn đội ngũ doanh nhân tương lai, có đủ năng lực thực hiện KTTH.

Kiến nghị 2.2: Hỗ trợ công nghệ và đổi mới trong ứng dụng các mô hình KTTH và khả năng ứng dụng cho các DNNVV của Việt Nam

Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu cho thấy rào cản lớn nhất mà các doanh nghiệp đang phải đối mặt trong quá trình thực hiện KTTH chính là rào cản công nghệ, biểu thị việc thiếu thông tin theo dõi và đánh giá tính tuần hoàn của các dự án quy mô lớn thành công, từ đó thiếu thông tin để giới thiệu các mô hình thực hành KTTH tốt nhất. Để tháo gỡ rào cản này, nhóm nghiên cứu gợi ý những chính sách sau:

Một, xây dựng cơ chế nhằm khuyến khích đẩy mạnh hoạt động R&D và đổi mới sáng tạo tại các doanh nghiệp của Việt Nam:

Nhà nước cần phải rà soát lại hoạt động R&D của các doanh nghiệp, và từ đó có các cơ chế “môi” nhằm khuyến khích đẩy mạnh hoạt động R&D tại doanh nghiệp. Cơ chế khuyến khích cần đưa ra kế hoạch và các tiêu chí cụ thể, rõ ràng. Các doanh nghiệp được lựa chọn cần phải công khai để doanh nghiệp có trách nhiệm với những khoản vốn được đầu tư. Việc đầu tư cho doanh nghiệp chủ yếu phụ

thuộc vào nhu cầu cụ thể của doanh nghiệp không nên phụ thuộc vào quy mô doanh nghiệp.

Hai, xây dựng và phát triển các chương trình chuyển giao công nghệ từ doanh nghiệp lớn:

Nhà nước nên khuyến khích thành lập, phát triển những tổ chức trung gian hoặc các Chương trình trọng điểm về tư vấn, hỗ trợ chuyển giao công nghệ bằng những hình thức ưu đãi thuế hay tín dụng. Đồng thời, Nhà nước xây dựng các cơ chế khuyến khích thành lập các mô hình hợp tác công tư (Public-Private Partnership) để cùng nhau tài trợ và thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ phục vụ các mục tiêu kinh doanh tuần hoàn; từ đó, cung cấp cho các DNNVV khả năng tiếp cận các nguồn lực, chuyên môn và thị trường mà họ có thể không tự mình tiếp cận được.

Ba, khuyến khích và hỗ trợ số hóa các DNNVV nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời giảm nhu cầu khai thác và sử dụng các dòng vật chất:

Một trong những tác động quan trọng nhất của nền KTTH đối với ngành công nghiệp là phi vật chất hóa công nghiệp (tức là các sản phẩm công nghiệp có thể được bán dưới dạng dịch vụ), ví dụ, thiết kế sản phẩm không có rác thải theo yêu cầu mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất, buộc thu hồi rác thải sau thời hạn sử dụng dưới dạng dịch vụ thuê sử dụng các sản phẩm công nghiệp. Các doanh nghiệp công nghiệp có thể tạo ra các nguồn thu nhập mới thông qua các hoạt động mới bằng cách sử dụng năng lượng tái tạo, thu hồi và tái sử dụng các dòng chất thải trong các quy trình công nghiệp của chính họ.

Chuyển đổi kỹ thuật số là công cụ giúp tăng năng suất các nhân tố tổng hợp, nâng cao giá trị sản lượng đầu ra nhanh hơn tốc độ tăng

các nhân tố sản xuất đầu vào, nâng cao chất lượng tăng trưởng, mở khóa những lợi ích của tăng trưởng toàn diện và bền vững cũng như nâng cao phúc lợi xã hội. Trong bối cảnh toàn cầu đã nhận thức được yêu cầu ứng phó biến đổi khí hậu, bắt buộc phải bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, khôi phục hệ sinh thái, số hóa có thể góp phần tách biệt quá trình tăng trưởng kinh tế khỏi việc sử dụng cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và các tác động tiêu cực tới môi trường. Tác động của số hóa đối với quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn và nâng cao năng suất sử dụng tài nguyên thiên nhiên thông qua việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc học hỏi và mở rộng các mô hình tuần hoàn trong nền kinh tế.

Kiến nghị 2.3: Xây dựng cơ chế và chính sách hỗ trợ các DNNVV trong hợp tác và kết nối nhằm phát triển các mô hình KTTH

Trong quá trình thực hiện mô hình KTTH, doanh nghiệp là một trong những chủ thể được coi là động lực và quan trọng bậc nhất trong các hệ sinh thái kinh tế này. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra việc thực hiện KTTH đòi hỏi sự liên kết mang tính dài hạn giữa các doanh nghiệp liên quan hướng tới phát triển hệ sinh thái thực hiện KTTH. Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu cho thấy nhu cầu thứ hai (sau nhu cầu về nâng cao nhận thức, hiểu biết về KTTH) được nhiều lựa chọn nhằm nâng cao năng lực thực hiện KTTH đó là “Tìm kiếm các đối tác phù hợp để cùng phối hợp phát triển sản phẩm mang tính tuần hoàn”. Do đó, cần phải:

Xây dựng, vận hành nền tảng kết nối thông tin, chia sẻ dữ liệu về áp dụng mô hình KTTH.

Cơ quan quản lý nhà nước nên xây dựng và phát triển các kênh kết nối thông tin và chia sẻ dữ liệu về thực hiện KTTH nhằm hỗ trợ

các doanh nghiệp có thể kết nối và phát triển sản phẩm và hệ sinh thái kinh tế tuần hoàn. Các kênh kết nối có thể là trang web chia sẻ thông tin kết nối, là hội chợ định kỳ được tổ chức thường xuyên trong năm.

Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy các khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp tuần hoàn nhằm phát triển các mạng lưới cộng sinh công nghiệp.

Sự kết nối trong hoạt động sản xuất giữa các doanh nghiệp sẽ hiệu quả hơn khi rút ngắn được khoảng cách địa lý. Vì vậy, sự phát triển các khu công nghiệp giúp tăng cường sự kết nối hướng tới hệ sinh thái tuần hoàn là một giải pháp kết nối quan trọng. Đối với hệ sinh thái khu công nghiệp tuần hoàn như tại Trung Quốc, các thành phần bao gồm chính sách, quản trị, kỹ thuật và công nghệ, phát triển kinh doanh, các bên tham gia chính và các tổ chức hỗ trợ để kết hợp các dịch vụ hệ sinh thái vào kinh tế tuần hoàn và tập trung vào các hệ sinh thái công nghiệp, cụ thể là các khu công nghiệp sinh thái. Khung kết hợp các dịch vụ hệ sinh thái và kết nối mang tính tuần hoàn vào EIP của Trung Quốc nhấn mạnh việc sửa đổi và củng cố các chính sách của chính phủ về các dịch vụ hệ sinh thái, nhấn mạnh quản trị vào các giá trị sinh thái, phát triển kinh doanh của các công ty và nghiên cứu và phát triển các công nghệ và kỹ thuật có liên quan.

Thiết kế lộ trình xây dựng và áp dụng các quy định pháp lý về yêu cầu bắt buộc sử dụng nguyên liệu tái chế dựa trên nền tảng hợp tác liên ngành, nhằm cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ tận dụng các hoạt động tuần hoàn trên toàn bộ chuỗi giá trị và ngành.

Bên cạnh cơ chế kết nối mang tính tự nguyện giữa các doanh nghiệp, các cơ chế kết nối mang tính bắt buộc cũng cần được nghiên cứu và xây dựng lộ trình áp dụng phù hợp. Một ví dụ về sự chuyển

đổi từ cơ chế tự nguyện sang cơ chế bắt buộc là Trách nhiệm mở rộng của người sản xuất (Extended Producer Responsibility – EPR) với việc thu hồi và tái chế sản phẩm thải bỏ đã được áp dụng bắt buộc theo Luật Bảo vệ môi trường 2020. Sản phẩm thải bỏ được thu hồi và tái chế sẽ giúp thúc đẩy phát triển nguồn cung ứng nguyên liệu tái chế. Tuy nhiên, các nguyên liệu tái chế thường không dễ dàng được thị trường chấp nhận. Vì vậy, sự mở rộng nguồn cung nguyên liệu tái chế cần có cơ chế hỗ trợ phù hợp để tránh lãng phí nguồn lực thu gom và tái chế chất thải. Một trong các cơ chế hỗ trợ đó là yêu cầu bắt buộc sử dụng nguyên liệu tái chế, từ đó tạo ra cơ chế kết nối giữa nguồn nguyên liệu tái chế và thị trường. Thị trường là tổng thể của các chuỗi giá trị và các ngành kinh tế khác nhau; vì vậy, để dòng nguyên liệu tái chế, tuần hoàn có thể lưu thông trên thị trường, cần có cơ chế phối hợp liên ngành nhằm cho phép các doanh nghiệp vừa và nhỏ tận dụng các hoạt động tuần hoàn trên toàn bộ chuỗi giá trị và ngành.

Chủ đề 3: Thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa trong bối cảnh tác động của cuộc chiến Nga-Ukraine

Việt Nam đang ngày càng tham gia hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu và đã có quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia và vùng lãnh thổ. Hiện Việt Nam đã đàm phán, ký kết và thực thi 19 Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương với hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới, trong đó có 16 FTA đã có hiệu lực với hơn 60 đối tác. Việc thực thi có hiệu quả các FTA thời gian qua đã giúp mở rộng, đa dạng thị trường, chuỗi cung ứng và sản phẩm xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Năm 2020, Việt Nam đã phê chuẩn và triển khai có hiệu quả Hiệp định FTA giữa

Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA); tham gia ký Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực (RCEP).

Tuy nhiên, đến nay tác động của “Cuộc chiến Nga- Ukraine” đã làm giảm hiệu ứng của các FTA do các quốc gia bị lựa chọn phe nào và rõ quan điểm ủng hộ hay phản đối. Chiến lược ngoại giao “cây tre” Việt Nam đã làm khá tốt việc cân bằng vị thế, lợi ích... nhưng cũng bị hạn chế bởi cả hai bên đều cầm chừng mối quan hệ với các ràng buộc chính trị khó khăn hơn. Cuộc chiến Nga- Ukraine đã tác động tới kinh tế thế giới mạnh mẽ, các nước bị chia rẽ bởi các mối quan hệ đa chiều, nhiều phe và nhiều ý kiến trái chiều nhưng ảnh hưởng tới kinh tế thế giới là thực sự sâu sắc. Thiệt hại do cuộc chiến lên đến 300 tỷ đô cả hai bên đồng thời mất đi chi phí cơ hội lớn hơn nhiều lần cho sự tăng trưởng kinh tế. Việc tài sản Nga bị phong tỏa hơn 300 tỷ USD, và Nga phong tỏa các tài sản nước ngoài gần 87 tỷ USD đã làm mất đi cơ hội của các bên. Riêng Ukraine được cam kết bảo trợ thêm 50 tỷ USD từ tài sản đóng băng của Nga, càng đẩy lên nghi ngại cuộc chiến còn kéo dài và tác động tới nền kinh tế thế giới tổn thất nhiều hơn nữa. Trong bối cảnh đó, Việt Nam vừa có quan hệ xuất khẩu tới Mỹ, EU, Nga... đồng thời có mối quan hệ đầu tư khai thác dầu với Nga cũng bị khó khăn chông chát. Vì vậy, Việt Nam vẫn cần nhận diện và rõ ràng những vấn đề sau:

Kiến nghị 3.1: Gia tăng hoạt động giảm căng thẳng giữa các bên, nhấn mạnh vai trò ủng hộ hòa bình

Hiện nay, Việt Nam đang có lợi ích với cả các bên trực diện tham gia cuộc chiến lẫn những nước ủng hộ thay đổi cục diện kinh tế, chính trị Châu Âu. Việt Nam có mối quan hệ ngoại giao và kinh tế đối với cả hai quốc gia. Đồng thời Mỹ và EU là hai thị trường

xuất khẩu lớn của Việt Nam trong khi Nga lại là đối tác đầu tư khai thác dầu lớn của Việt Nam nên chỉ có thể khẳng định chiến tranh là vô nghĩa với các bên vì tất cả các bên cũng như Việt Nam đều tồn thất. Việc tuyên bố, đứng làm trung gian và bày tỏ quan điểm ủng hộ chấm dứt chiến tranh và hòa bình rất phù hợp khi Việt Nam đã trải qua mất mát của chiến tranh. Cụ thể,

Một là, Việt Nam đã thể hiện và bày tỏ quan điểm rất đúng đắn không ủng hộ bên nào trong cuộc chiến mặc dù sức ép từ nhiều phía. Tuy nhiên, việc chưa có hành động ngoại giao đủ lớn để cả tất cả các bên thấy rõ sự khẳng định của Việt Nam. Thậm chí, Ukraine hay Mỹ và EU còn có nhiều dấu hiệu tiêu cực nên rất cần tăng cường ngoại giao xoa dịu các quốc gia này.

Hai là, Tăng cường những hỗ trợ nhân đạo và đình chiến nhằm thể hiện mạnh mẽ quan điểm ủng hộ hòa bình hơn nữa mà không mất lòng các bên. Đặc biệt, số lượng kiều bào Việt Nam ở Ukraine và Nga đều có sự ảnh hưởng nhất định. Khi thực hiện hỗ trợ nhân đạo cũng khẳng định sự quan tâm của Đảng và Nhà nước tới những kiều bào đang mắc kẹt tại cuộc chiến, thậm chí hỗ trợ họ về nước, hỗ trợ tái hòa nhập và ổn định kinh tế. Nếu tiếp tục viện trợ nhân đạo cũng thể hiện tinh thần nghĩa tình thủy chung và vì sự tương thân với người dân bị ảnh hưởng bởi cuộc chiến. Thậm chí, cũng là cách để các hàng hóa Việt Nam thâm nhập vào thị trường hai quốc gia trên.

Kiến nghị 3.2: Tận dụng cơ hội gia tăng nhiều hơn nữa các hoạt động giao thương và thu hút đầu tư

Điều này sẽ giúp khẳng định chắc chắn hơn nữa chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và nhà nước Việt Nam tạo điều kiện tốt nhất cho luồng vốn đầu tư nước ngoài. Khi Việt Nam thuyết phục

được các bên về đường lối, chính sách và quan điểm chính trị rõ ràng của Việt Nam đối với cuộc chiến thì Việt Nam sẽ thực hiện tốt hơn chiến lược tận dụng các lợi thế của FTA với hai đối tác lớn là Mỹ và EU. Xét về mặt thực tiễn cho thấy khi có sự hỗn loạn và thay đổi mạnh mẽ do cuộc chiến chính lại là cơ hội cho các nước khác thâm nhập và cung cấp hàng hóa thiếu hụt cho EU, đặc biệt là những hàng hóa trước đây phải nhập từ Nga và Ukraine. Dấu hiệu EU tăng nhập than củi, dầu mỏ, hàng thiết yếu.... cho thấy rõ nhu cầu đó nhưng gần như các doanh nghiệp Việt Nam lại không nắm được cơ hội đó. Rất ít doanh nghiệp chen chân vào thay thế nhà cung cấp hàng hóa cho EU. Khi EU ổn định trở lại và có đủ nhà cung cấp thì việc cạnh tranh và giành thị trường càng thêm khó khăn. Để tận dụng cơ hội này, cần phải:

Một là, Việt Nam cần gia tăng các đoàn ra, tham gia mạnh mẽ các diễn đàn về xuất hàng hóa tại Châu Âu, nhanh chóng nắm bắt cơ hội bán hàng hóa tại Châu Âu và là cơ hội tốt nhất thâm nhập sâu thị trường Châu Âu, không vì lo sợ chiến tranh mà né tránh giao thương với Châu Âu.

Hai là, cần sớm ổn định tình hình kinh tế và chính trị nội bộ, chú trọng phát triển các điều kiện kinh doanh và cải cách thủ tục hành chính nhằm đón luồng vốn dịch chuyển FDI từ Mỹ, EU, thậm chí từ Trung Quốc nhằm gia tăng nhanh năng lực cung cấp hàng hóa được sản xuất từ Việt Nam xuất sang các nước, đặc biệt là xuất sang Mỹ và Châu Âu.

Ba là, Tái cơ cấu lại ngành điện, năng lượng Việt Nam chuẩn bị tốt nhất cho công cuộc phát triển kinh tế nói chung và hỗ trợ cho các doanh nghiệp FDI an tâm đầu tư vào Việt Nam. Tiếp tục thực hiện chương trình tiếp nhận công nghệ qua FDI, học hỏi và cải tiến

công nghệ nhằm lan tỏa cho các doanh nghiệp Việt Nam. Hiện nay, sản xuất chip nói riêng và sản xuất hàng chế biến chế tạo nói chung đang thiếu điện mà ban quản lý truyền tải điện chưa phát huy hết tiềm năng, đã chuyển về Bộ Công Thương quản lý nhưng cần cơ chế và thủ tục rõ ràng hơn, minh bạch hơn mới thu hút được nhiều nhà đầu tư tham gia.

Kiến nghị 3.3: Nâng cao năng lực nội tại về các điều kiện kinh doanh cho sản xuất hàng hóa xuất khẩu với FDI

Hiện nay, Trung Quốc, nước láng giềng và nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, có vị thế khác Việt Nam và đang bị cáo buộc về ủng hộ Nga trong “Cuộc chiến Nga- Ukraine” nên dù có tình trạng năng lực sản xuất dư thừa nhưng đang bị Mỹ và EU trừng phạt về hạn chế nhập khẩu hàng của Trung Quốc. Vì vậy, cơ hội xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Mỹ, EU và các nước đồng minh là có lợi thế. Việt Nam cần tạo cơ chế cùng có lợi để tận dụng cơ hội quốc tế này. Mặc dù vậy, cần thận trọng với khả năng chịu sự lệ thuộc vào nền kinh tế Trung Quốc khi mà ngày càng có nhiều nguồn vốn FDI của nước này dịch chuyển sang Việt Nam. Vì vậy, rất cần một số lựa chọn thông minh trong bối cảnh này như sau:

Một là, lập quy hoạch phát triển sản xuất xanh, sạch, bền vững nhằm phân lập một số nhóm hàng hóa được phép tiếp nhận FDI Trung Quốc để tăng năng lực như hàng hóa tiêu dùng, hàng hóa xuất khẩu. Những mặt hàng trọng yếu, có tác động lớn tới nền kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng thì hướng đến công nghệ cao hơn, chủ động và tự chủ, thậm chí có quỹ đầu tư mua công nghệ như công nghệ hạt nhân (không chủ trương sản xuất sản phẩm nhưng phải có đủ đội ngũ nhà khoa học và kỹ thuật xứng tầm thế giới để khi cần là có), lượng tử, AI...

Hai là, Chấp nhận một phân lý thuyết “vòng tăng trưởng kép”, “Một vành đai, một con đường” và là quốc gia cầu nối cho Trung Quốc với ASEAN tốt hơn là tẩy chay tất cả. Với Hiệp định RCEP cho thấy Trung Quốc vừa muốn tạo ra khu vực mậu dịch tự do không có Mỹ, EU, Ấn Độ... để dễ bề làm chủ các chuỗi cung ứng khu vực mới, thậm chí, hàng Trung Quốc muốn đội lốt các quốc gia khác để dễ xuất khẩu sang Mỹ và Châu Âu nhưng Việt Nam cần phải phân tích kỹ hơn lợi ích-chi phí để tận dụng cơ hội cùng có lợi thay vì né tránh. Khi năng lực các doanh nghiệp Việt Nam chưa đủ và lệ thuộc nhiều vào Trung Quốc từ công nghệ sản xuất tới nguyên phụ liệu mà chưa đủ năng lực tách ra độc lập thì cơ chế Win-Win vẫn là lựa chọn tốt nhất có thể.

Kiến nghị 3.4: Linh hoạt trong các hình thức đối lưu hàng hóa và đa dạng hàng hóa nhận về từ Nga

Trên thực tế, mối quan hệ của Việt Nam và Nga vẫn là mối quan hệ truyền thống và được vun đắp từ nhiều thế hệ. Dù vị thế của Nga và đường lối phát triển của Nga khác Việt Nam nhưng vẫn còn nhiều lợi ích đan xem cần tháo gỡ. Đặc biệt, là các liên doanh khai thác dầu Việt-Nga đã đem lại nhiều lợi ích cho Việt Nam hàng chục năm qua. Nếu không chủ động thì lợi ích của Việt Nam cũng bị ảnh hưởng rất nhiều. Thậm chí, bị cáo buộc và kiểm chế bởi Mỹ và Phương Tây mà vị thế của Việt Nam không thể như Trung Quốc nên phải tìm cách khác trong mối quan hệ này. Vì vậy, cần có những chính sách khéo léo sau đây:

Một là, Việt Nam nên chủ động và sớm đề xuất gỡ gỡ Nga giải quyết việc phân chia lợi ích của liên doanh thậm chí sẽ chủ động tiêu thụ sản lượng dầu ra cho các nhà máy lọc dầu trong nước.

Hai là, xây dựng nhiều phương án trao đổi sản phẩm dầu với các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của Nga mà Nga đang có như công nghệ, như tài nguyên thép, ngũ cốc làm thức ăn chăn nuôi...

Ba là, Cử các đoàn sang Nga nhằm tìm hiểu những nhu cầu hàng hóa mà Việt Nam có thể thâm nhập nhằm đối lưu với những lợi ích của các liên doanh Việt Nam đang tham gia và gia tăng nhập khẩu dự trữ cho nền kinh tế.

Kiến nghị 3.5: Chủ động gia tăng dự trữ cho nền kinh tế trước tình thế “Cuộc chiến Nga- Ukraine” còn tiếp diễn và có nguy cơ lan rộng

Theo báo cáo, Việt Nam có đủ ngoại tệ nhập khẩu nguyên liệu, phục vụ 6 tháng nhập siêu nhưng đó mới chỉ dừng ở mức đảm bảo ngoại tệ. Còn cụ thể từng ngành hàng, từng lĩnh vực, chủng loại, chất lượng hàng hóa, thời gian, mức độ dự trữ ... vẫn chưa được lên kịch bản thực hiện. Vì vậy rất cần thực hiện những giải pháp vừa tăng năng lực sản xuất của doanh nghiệp Việt Nam vừa thực hiện chính sách gia tăng dự trữ quốc gia nhằm chuẩn bị cho tình huống “xấu nhất” hoặc tình huống “hậu chiến” để lấy đã bút tốc kinh tế như sau:

Một là, thu hút FDI từ Trung Quốc và các nước thành viên RCEP, nâng cao năng lực hoặc liên doanh sản xuất hàng xuất khẩu sang Mỹ và EU, chuỗi cung ứng Việt Nam đang có về hàng chế biến chế tạo.

Hai là, tăng cường thỏa thuận với Nga nhằm nhận chuyển giao công nghệ, hàng hóa của Nga thay vì nhận phân chia dầu thô từ liên doanh; kết hợp với mạng lưới các kiều bào Việt Nam tại Nga mời các nhà khoa học, các nhà kỹ thuật cao sang Việt Nam chuyển giao

kiến thức và công nghệ. Mua những tài nguyên dồi dào từ Nga như ngũ cốc, quặng, than....

Ba là, cần sớm ổn định tài chính và tạo ra các quỹ nhập khẩu dự trữ các loại nguyên liệu quan trọng cho nền kinh tế, đặc biệt là cho hàng hóa xuất khẩu. “Cuộc chiến Nga- Ukraine” sẽ gây ra lạm phát đẩy, thiếu nguồn cung, đứt gãy chuỗi... vì vậy, rất cần sự dự trữ cấp quốc gia cho nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.

Chủ đề 4: Từng bước tháo gỡ khó khăn trên thị trường tài chính-tiền tệ, thúc đẩy phát triển kinh tế trong bối cảnh mới

Năm 2024, kinh tế thế giới và thị trường tài chính toàn cầu tiếp tục có những khó khăn, diễn biến phức tạp. Lạm phát và lãi suất tại các nền kinh tế phát triển vẫn còn cao. Giá dầu thô cao, chi phí vận tải biển tăng gấp nhiều lần, một số thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam chưa phục hồi. Công nghệ 4.0; trí tuệ nhân tạo (AI) đang phát triển mạnh mẽ.

Trong nước, nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi nhờ giải pháp quyết liệt tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế. Tuy nhiên, còn nhiều thách thức như: sức ép lạm phát còn lớn, mặt bằng lãi suất cho vay chưa hạ nhanh, tăng trưởng đầu tư tư nhân vẫn thấp hơn nhiều so với trước COVID 19 và thấp nhất so với các nhóm khác (đầu tư FDI, đầu tư công), tăng trưởng tín dụng đến giữa tháng 6/2024 mới đạt 3,70% so với cuối năm 2023 (tháng 9/2024 đạt 7,38% so với cùng kỳ năm 2023), tỷ lệ nợ xấu tăng cao, tỷ giá VND/USD biến động lớn, giá vàng tăng cao nhất trong lịch sử. Tái cơ cấu các tổ chức tín dụng (TCTD) diễn ra chậm. Thị trường bất động sản (BDS) chưa phục hồi. Thị trường chứng khoán (TTCK) diễn biến bất thường, nhiều rủi ro khó lường. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Các vụ lừa đảo giao dịch tiền trên

không gian mạng và ngân hàng số diễn biến phức tạp. Thu ngân sách Nhà nước (NSNN) và giải ngân vốn đầu tư trong quý I/2024 đạt khá hơn cùng kỳ năm ngoái. Tuy vậy, tình trạng trốn thuế, gian lận thuế, bỏ sót nguồn thu và các tiêu cực khác vẫn diễn ra phức tạp. Giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt được mục tiêu như kỳ vọng.

Thực trạng nói trên đòi hỏi các cấp các ngành, Bộ, ngành Trung ương và địa phương tiếp tục triển khai nhiều giải pháp tổng thể hỗ trợ sản xuất kinh doanh (SXKD), thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xin đề xuất một số kiến nghị sau:

Kiến nghị 4.1: Tháo gỡ khó khăn về mặt lãi suất, đảm bảo thị trường tiền tệ ổn định và an toàn

Thứ nhất, NHNN cần khẩn trương tiếp tục giảm lãi suất cho vay trong nền kinh tế thông qua các công cụ điều hành chính sách tiền tệ và biện pháp quản lý thuộc chức năng. Cụ thể, i) giảm 0,5% tất cả các loại lãi suất điều hành; ii) Giảm phí thông tin tín dụng tại CIC và đề nghị cấp có thẩm quyền giảm phí Bảo hiểm tiền gửi; Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc, riêng đối với cho vay nông nghiệp nông thôn áp dụng tỷ lệ là 0%.

Thứ hai, NHNN nên bổ sung thêm gói tín dụng ưu đãi từ nguồn tái cấp vốn với lãi suất thấp cho các NHTM để cho vay một số đối tượng, lĩnh vực cần được ưu tiên, khuyến khích trong nền kinh tế. Sửa đổi các tiêu chí/điều kiện tiếp cận các gói tín dụng ưu đãi (đặc biệt là về nhà ở xã hội) để các chính sách này khả thi hơn. Linh hoạt cấp hạn mức tín dụng cho các NHTM có khả năng tăng trưởng tín dụng tốt. Tốt nhất NHNN nên bỏ hạn mức tín dụng, thay vào đó là các cơ chế và biện pháp đảm bảo an toàn tín dụng, an toàn của ngân hàng.

Thứ ba, NHNN khẩn trương triển khai phần mềm “Hệ thống thông tin quản lý hỗ trợ quản lý, giám sát và phòng ngừa rủi ro gian lận trong hoạt động thanh toán” (Hệ thống SIMO), hoàn thiện và đẩy mạnh khai thác “Hệ thống thu thập thông tin trực tuyến” (Hệ thống ODCS) để kết nối, truy vấn, thu thập, giám sát số dư tài khoản đảm bảo thanh toán của các tổ chức trung gian thanh toán (TCTGTT).

Thứ tư, Bộ Tài chính và NHNN phối hợp chặt chẽ trong điều hành chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ; tăng vốn điều lệ cho các NHTM sở hữu của nhà nước, quản lý thị trường trái phiếu, thuế của các TCTD, các nghiệp vụ khác có liên quan đến sự phát triển an toàn của thị trường tiền tệ.

Thứ năm, NHNN giảm bớt các văn bản chỉ đạo, cuộc họp hành chính và hình thức. Khẩn trương sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL nhằm tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng. Sửa đổi đồng bộ các Thông tư quy định về hoạt động cấp tín dụng của TCTD để đồng bộ với các quy định tại Luật các TCTD năm 2024. NHNN sớm trình Chính phủ sửa đổi Nghị định số 24/NĐ-CP ngày 3/4/2012 và Thông tư số 16/2022/TT-NHNN quy định về hoạt động kinh doanh vàng phù hợp với Luật Các TCTD năm 2024 và thực tiễn thị trường. Đề nghị bãi bỏ tình trạng độc quyền nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh vàng miếng, đảm bảo liên thông giữa thị trường vàng trong nước và thị trường vàng quốc tế. NHNN cần kiên định điều hành ổn định tỷ giá, thực hiện mua bán can thiệp 2 chiều trên thị trường ngoại tệ.

Kiến nghị 4.2: Tăng cường chất lượng điều hành chính sách tài khóa nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế

Thứ nhất, Chính phủ cần kiên quyết chỉ đạo, các Bộ ngành và các địa phương cần có các biện pháp cụ thể, sát thực tế, nâng cao

trách nhiệm chủ động tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch năm 2024 và các năm sau, đặc biệt với các dự án giao thông lớn. Trên cơ sở đó tạo tiền đề thúc đẩy tăng trưởng tín dụng ngân hàng đối với các doanh nghiệp và các ngành nghề có liên quan trong chuỗi giá trị xây dựng. Bên cạnh đó thúc đẩy tiêu dùng của người dân được đền bù giải phóng mặt bằng.

Thứ hai, Bộ Tài chính xem xét tiếp tục rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến điều hành chính sách tài chính, thuế, quản lý công sản, thị trường chứng khoán, phát hành TPDN, NHTM làm đại lý bán bảo hiểm nhân thọ; sửa đổi, đề xuất sửa đổi kịp thời các quy định có liên quan khác, giúp tăng cường tính minh bạch hiệu quả của các hoạt động có liên quan. Cần có biện pháp cụ thể đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu lại các DNNN, bổ sung vốn điều lệ của các NHTM NN đã cổ phần hóa, đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa Agribank.

Thứ ba, Bộ Tài chính cần có kế hoạch và triển khai cụ thể về rà soát tài sản công nói chung, trước tiên là các bộ ngành TW, thực hiện trước tiên tại NHNN Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đồng thời, cần nâng cao chất lượng thanh tra, giám sát thực hiện các luật về thuế, hải quan, bảo hiểm, TTCK, chi tiêu công, sử dụng tiền NSNN, quản lý công sản. Đặc biệt là các khâu hoàn thuế, miễn giảm thuế, nợ đọng thuế, tăng minh bạch trong hoạt động bảo hiểm, giao dịch chứng khoán, sử dụng đất công và tài sản công.

Thứ ba, Bộ Tài chính khẩn trương trình Chính phủ, Quốc hội nội dung sửa đổi bổ sung Luật thuế GTGT, tập trung vào 5 nội dung: đối tượng không chịu thuế; cách tính thuế; thuế suất; khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào; hoàn thuế. Các Luật thuế khác cũng cần được sửa đổi, bổ sung theo đúng kế hoạch như luật thuế thu nhập doanh nghiệp, luật thuế thu nhập cá nhân, luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

Thứ tư, Bộ Xây dựng cần đẩy nhanh tiến độ giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến các dự án BĐS, dự án nhà ở xã hội, hướng dẫn các doanh nghiệp BĐS cơ cấu lại các phân khúc, giảm giá bán sản phẩm.

Thứ năm, Bộ Tài chính cần đánh giá khách quan dự trữ lương thực quốc gia, giảm quy mô dự trữ, tăng vòng quay đổi mặt hàng gạo hàng năm. Tiếp tục thu gọn bộ máy ngành thuế, Ngân hàng phát triển, Kho bạc tỉnh, thành phố. Cần hình thành Chi cục thuế gồm 3-4 huyện thị xã, thay cho 2 huyện hiện nay. Cần hình thành Ngân hàng Phát triển, Cục thuế khu vực, Kho bạc nhà nước khu vực gồm 3-4 tỉnh thành phố, thay cho hiện trạng hiện nay.

Kiến nghị 4.3: Tiếp tục cải thiện hiệu quả chính sách quản lý và điều hành TTCK

Thứ nhất, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) khẩn trương hoàn thiện khung pháp lý: Rà soát, nghiên cứu các quy định pháp lý và các cơ chế, chính sách về hoạt động TTCK. Lập lại trật tự TTCK, không có ngoại lệ, không có vùng cấm, đưa chủ thể TTCK vào khuôn khổ pháp lý, tuân thủ quy luật của thị trường. Sớm bổ sung Điều 9a "**Giao dịch không ký quỹ 100% tiền của NĐT tổ chức nước ngoài**" vào sau Điều 9; Bổ sung Điều 35a "**Thanh toán giao dịch mua CK không ký quỹ 100% tiền của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài**" vào sau Điều 35; sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan khác của Thông tư số 120/2020/TT- BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, TPDN, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống GDCK.

Thứ hai, UBCKNN đẩy mạnh đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý thị trường vận hành ổn định, triển khai và tăng

cường đầu tư hệ thống KRX và công tác giám sát, kiểm tra, cảnh báo..., kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giám sát, kiểm tra chặt chẽ các tài khoản CK công bằng và minh bạch. Bên cạnh đó, ngành chứng khoán Việt Nam cần không ngừng nâng cao hệ thống giao dịch để xử lý an toàn các lệnh khác nhau, bao gồm cổ phiếu.

Thứ ba, UBCKNN tiếp tục nâng cao chất lượng hàng hóa trên TTCK, đảm bảo tất cả các cổ phiếu giao dịch trên TTCK luôn đúng theo quy định, tiêu chuẩn, loại bỏ các cổ phiếu của các DN hoạt động thiếu minh bạch, gian lận báo cáo tài chính. Đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư, đa dạng hóa cổ phiếu niêm yết trên HOSE từ sàn UPCOM

Thứ tư, UBCKNN, các sở giao dịch CK, các đơn vị có liên quan đến TTCK tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Phát triển các hình thức đào tạo phù hợp, chú trọng đào tạo quốc tế Cập nhật các nghiệp vụ về quản lý và vận hành, kiểm soát TTCK, trình độ công nghệ thông tin và kỹ năng phân tích, dự báo cho đội ngũ nhân lại các cơ quan nói trên.

Thứ năm, Bộ Tài chính, UBCKNN hoàn thiện các điều kiện để nâng hạng TTCK Việt Nam lên thị trường mới nổi. Đây là chiến lược phù hợp với chiến lược phát triển KT- XH I Việt Nam chuyển đổi thành quốc gia thu nhập trung bình cao vào năm 2035 và quốc gia thu nhập cao vào năm 2045.

Thứ sáu, UBCKNN nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra TTCK; giám sát chặt chẽ hoạt động Công ty CK, công ty quản lý quỹ và xử lý vi phạm nghiêm mọi hành vi vi phạm để giữ thị trường minh bạch, công bằng.

Kiến nghị 4.4: Tiếp tục đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu các TCTD trong bối cảnh kinh tế số, tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế

Thứ nhất, NHNN cần đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu TCTD giai đoạn đến năm 2025 Chủ đạo xử lý triệt để vấn đề sở hữu chéo trong các NHTM CP và doanh nghiệp sân sau của các thành viên HĐQT NHTM. Yêu cầu NHTM chấm dứt cho vay tập trung các DN, dự án sân sau của tập đoàn. Xử lý tối đa sở hữu chéo, chi phối trong NHTM. Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa Agribank, sắp xếp 3 NHTM mua lại O đồng, SCB và một số NHTM CP yếu kém khác.

Thứ hai, NHNN chỉ đạo chặt chẽ tăng vốn điều lệ, tăng các tỷ lệ an toàn của các TCTD. Cần có các biện pháp hữu hiệu đồng bộ quyết liệt xử lý nợ xấu.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số ngành NH, hoàn thiện các quy định pháp luật về lĩnh vực này. Chủ động phối hợp với Cục An ninh kinh tế A04, Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (A05) của Bộ Công an khẩn trương kiểm tra và hoàn thiện các giải pháp quản trị rủi ro từ eKYC (xác thực chủ tài khoản thanh toán bằng sinh trắc học khuôn mặt, mống mắt,...) từ các tổ chức TGTT trong nền kinh tế.

Thứ tư, các TCTD cần đẩy mạnh nâng cao năng lực quản trị điều hành, năng lực quản trị rủi ro, quyết liệt xử lý nợ xấu, nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát nội bộ. Chấm dứt tình trạng cho vay tập trung vào một số doanh nghiệp, dự án thuộc hệ sinh thái, hoặc sân sau của tập đoàn dễ làm mất an toàn và lành mạnh của NHTM; thực hiện chặt chẽ kế hoạch tăng vốn và đầu tư công nghệ ngân hàng 4.0.

Thứ năm, các TCTD tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, cắt giảm các loại phí không cần thiết hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh. Khẩn trương rà soát các dự án, các doanh nghiệp đảm bảo cung ứng tín dụng kịp thời cho các dự án khả thi, hiệu quả, chia sẻ, hỗ trợ doanh nghiệp, khách hàng vay vượt qua khó khăn để tiếp tục quay vòng vốn, trả nợ. Tiếp tục đơn giản hóa các quy trình, thủ tục vay vốn, công khai phí, lãi suất... nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận vốn ngân hàng. NHCS XH giảm lãi suất cho vay hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo xuống bình quân chỉ khoảng 5%, giảm lãi suất cho vay các đối tượng vay vốn tại ngân hàng thấp hơn từ 1,5 – 2% /năm.

Thứ sáu, NHNN nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng, giám sát chặt chẽ vấn đề rủi ro đạo đức cán bộ thanh tra ngân hàng, nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ thanh tra tham gia các Đoàn thanh tra về nghiệp vụ, về tính khách quan, chính xác, và tính độc lập.

Trên đây là những kiến nghị cụ thể được chốt lọc và rút ra từ những những hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Hi vọng rằng các kiến nghị có thể đóng góp vào quá trình phát triển của nền kinh tế trong bối cảnh mới.

KIẾN NGHỊ QUÝ III NĂM 2024

CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

Địa chỉ: 207 Đường Giải Phóng,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 36280280
Fax: (84-24) 38695992
Cổng TTĐT: www.neu.edu.vn